

VẬN DỤNG NGHIÊN CỨU BÀI HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỌC TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRỰC, HÀ NỘI

Phạm Thị Thanh Hải - Nguyễn Đức Khuông - Đoàn Nguyệt Linh
Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 23/01/2018; ngày sửa chữa: 29/01/2018; ngày duyệt đăng: 12/04/2018.

Abstract: The teachers working in the rural areas need more opportunities to be supported professional and teaching skills. The study focused on three main issues including the implementation of teachers for professional policy at school level; The role of lesson study for learning community at secondary schools; and effectiveness of applied lesson study for learning communities at secondary schools. Specifically, the study analyses situation of implementing professional policies of teaching staff in rural areas. This paper also shows that teachers are aware of the important role of lesson study for learning community development at secondary schools not only for teachers themselves but also for the students in group learning.

Keywords: Teachers, policy, professional development, lesson study, learning community.

1. Mở đầu

Các cộng đồng học tập chuyên môn đã trở thành một trong những nội dung được đề cập nhiều nhất trong giáo dục hiện nay. Nhiều trường K-12 đang cố gắng để trở thành các cộng đồng học tập chuyên môn với hi vọng học sinh (HS) sẽ học tập tốt hơn khi người lớn tự cam kết cộng tác trong giảng dạy và học tập và sau đó hành động để cải thiện việc học tập và thành tích của HS (Thompson, Gregg và Niska 2004). Dufour và Eaker (1998) đã tuyên bố rằng “Chiến lược hứa hẹn nhất cho việc cải thiện trường học bền vững và vững chắc là phát triển năng lực của nhân viên nhà trường để hoạt động như các cộng đồng học tập chuyên nghiệp”. Theo Walker (2002), “Ở cấp trường, ý thức cộng đồng này được minh chứng bằng cam kết cho sự phát triển của giảng viên như là một tổng thể và các hoạt động như các nhóm hội thảo, viết phản chiếu, nghiên cứu nhóm, và thảo luận”.

Các nghiên cứu quốc tế về giáo viên (GV) cho thấy, họ có khuynh hướng gặp khó khăn do thiếu kiến thức về chương trình giảng dạy, phương pháp, nghiệp vụ sư phạm và tri thức chuyên môn. Theo Fantilli và McDougall (2009), nhìn chung, GV mới thường mất nhiều thời gian để phát triển kế hoạch bài học hơn so với các GV đã có kinh nghiệm và do đó soạn giáo án hằng ngày là một trong những khó khăn của GV mới.

Roehrig và cộng sự (2002) thực hiện đánh giá tổng quan về những thách thức của GV mới vào nghề, liệt kê nhiều vấn đề khác nhau, ví dụ như ngôn ngữ, văn hoá, sắc tộc, trong số 22 loại thách thức được đưa ra thảo luận. Các thách thức liên quan đến chương trình dạy học (DH)

trong tất cả các lĩnh vực: chuẩn bị trước bài học, tương tác trong bài học và sau bài học. Các nguyên nhân của những thách thức này là từ bên trong (ví dụ: thiếu kiến thức nội dung, kiến thức nội dung sư phạm, hoặc kiến thức về chương trình học, biểu đồ dạy kèm) và bên ngoài (ví dụ: nhu cầu học tập cụ thể của HS hoặc thiếu động lực, thiếu tài liệu hoặc hướng dẫn chương trình DH; áp lực thích ứng với những hướng dẫn chương trình DH hoặc thử nghiệm được yêu cầu).

Murnane và Levy (1996) đề cập đến vấn đề những kĩ năng và kiến thức cần thiết cho công việc trong thế kỉ XXI. HS cần có khả năng chỉ đạo việc học, làm việc và lắng nghe người khác, phát triển cách giải quyết các vấn đề phức tạp và những vấn đề đòi hỏi các chuyên môn khác nhau. Phần lớn không phải là những kĩ năng hiện đang được dạy trong trường học.

Trong cách tiếp cận giữa học tập và cộng đồng, GV giữ vai trò tổ chức và hỗ trợ các hoạt động do sinh viên hướng dẫn, trong khi ở hầu hết các lớp học, GV có xu hướng chỉ đạo các hoạt động. Sự chuyển đổi mối quan hệ quyền lực khi HS có trách nhiệm học tập và học hỏi của người khác. HS cũng phát triển cách để đánh giá sự tiến bộ của mình và làm việc với người khác để đánh giá sự tiến bộ của cộng đồng. Ngược lại, trong hầu hết các lớp học, GV có thẩm quyền, xác định những gì được học và đánh giá chất lượng công việc của HS.

Ở Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề hoạt động chuyên môn và đào tạo GV trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Chương trình khoa học giáo dục cấp Bộ “Đổi mới đào tạo GV trong thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế” được thực hiện từ năm 2011-

2014 đã có kết quả với một số đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đổi mới đào tạo GV. Nguyễn Thị Kim Dung và cộng sự (2015) đề xuất phát triển chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm. Tác giả Hà Thị Lan Hương cũng đề cao vai trò quyết định của người GV mà trên hết là các trường sư phạm - “cái nôi” đào tạo GV tương lai có ảnh hưởng lớn tới sự sẵn sàng của GV tham gia vào công cuộc đổi mới giáo dục toàn diện. Nghiên cứu về kỹ năng của sinh viên sư phạm, tác giả Lê Mỹ Dung cũng chỉ ra rằng việc định hướng nghề nghiệp tương lai có tác động rõ nét tới khả năng làm chủ cảm xúc của các GV tương lai. Tác giả Nguyễn Thị Kim Dung và Đỗ Thị Thuận trong nghiên cứu về thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp cũng khẳng định rằng quá trình sinh viên tốt nghiệp bước vào nghề là “bước chuyển đổi phức tạp, có tính chất bước ngoặt”, phần nào phản ánh quá trình được đào tạo tại các cơ sở sư phạm.

Hiện nay, nghiên cứu bài học (NCBH) đã trở thành một xu hướng đổi mới chuyên môn ở Việt Nam. Thực chất, NCBH được tiến hành hỗ trợ cho sự phát triển chuyên môn của GV (Eisuke Saito và cộng sự, năm 2015). Một số học viên sau đại học trong ngành quản lý giáo dục đã bắt đầu nghiên cứu để áp dụng hình thức phát triển chuyên môn này cho trường. NCBH được coi là một cách tiếp cận tích cực để tăng cường liên kết và hợp tác giữa các GV trong việc xây dựng văn hoá trường học.

Hiện tại vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về đặc điểm chuyên môn của GV ở Việt Nam, đặc biệt là vai trò của đổi mới chuyên môn theo hướng NCBH. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm cung cấp nhiều bằng chứng hơn về tình hình thực tế phát triển chuyên môn theo hướng NCBH và kết quả ban đầu áp dụng cho Trường THCS Nguyễn Trục, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần tích cực vào việc kiến nghị chính sách cho giáo dục phổ thông trong bối cảnh thực hiện đổi mới cơ bản và toàn diện GD-ĐT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường THCS Nguyễn Trục, huyện Thanh Oai, Hà Nội, trong đó có 60 GV và 688 HS thuộc 18 lớp. Trường THCS Nguyễn Trục nằm trong khu vực nông thôn, gồm 60 GV và cán bộ, đa số là nữ. Các GV tham gia khảo sát phần lớn đạt chuẩn và được đào tạo bồi dưỡng đầy đủ để đáp ứng yêu cầu, có 67% GV đạt trên chuẩn.

Khảo sát cung cấp các minh chứng về đảm bảo kết quả học tập của sinh viên bao gồm 3 vấn đề: 1) Thực hiện các chính sách phát triển chuyên môn của GV ở cấp

trường; 2) Vai trò của NCBH đối với cộng đồng học tập ở Trường THCS Nguyễn Trục; 3) Hiệu quả của NCBH áp dụng đối với cộng đồng học tập ở Trường THCS Nguyễn Trục.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực hiện các chính sách phát triển chuyên môn của giáo viên ở cấp trường

Phòng GD-ĐT Thanh Oai, Hà Tây chỉ đạo kế hoạch năm học 2017-2018, với các nội dung cụ thể, trong đó có nội dung về *nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với giáo dục THCS*: Đẩy mạnh việc vận dụng DH giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành trong các môn học, bảo đảm cân đối giữa việc truyền thụ kiến thức rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho HS, tăng cường liên hệ thực tế, tích hợp liên môn, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học.

Trường THCS Nguyễn Trục thực hiện chính sách về phát triển chuyên môn:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường: 100% GV đã thực hiện DH lồng ghép, nội dung giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống trong các môn học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Đa số các giờ DH lồng ghép đạt hiệu quả cao.

Tổ chức hoạt động chuyên môn:

- Đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn qua NCBH: Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, giúp GV chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp DH phù hợp với từng đối tượng HS của lớp mình.

- Theo chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, sinh hoạt chuyên môn được tổ chức định kì 2 tuần/lần. Các buổi sinh hoạt chuyên môn đã cập nhật các thông báo, văn bản chỉ đạo bổ sung; Tổ chức dự giờ, thảo luận nâng cao chất lượng dạy - học theo các chuyên đề dựa trên nhu cầu của GV. Trong sinh hoạt chuyên môn, mỗi tổ đã tổ chức được 02 chuyên đề/1 học kì. Về cơ bản, các chuyên đề đã thực sự giải quyết được nhiều khâu vướng mắc trong sách giáo khoa, trong đổi mới phương pháp DH, ứng dụng công nghệ thông tin làm thay đổi chất lượng giờ dạy và từng bước góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giờ dạy trên lớp. Kế hoạch sinh hoạt chuyên đề đã được xây dựng khoa học. Nội dung chuyên đề được lựa chọn đa dạng và xuất phát từ các vấn đề trong thực tế giảng dạy. Quy mô sinh hoạt chuyên đề đa dạng.

Năm học 2016-2017, mỗi môn học đã xây dựng được 2 chủ đề/1 học kì, được thể hiện trong kế hoạch DH và đã được phòng GD-ĐT phê duyệt. Nhà trường cũng đã xây dựng và thực hiện được 2 chủ đề DH liên môn ở tổ

Khoa học xã hội. Bước đầu chủ đề có tác động tốt đến sự say mê nhiệt tình của GV và sự chủ động, sáng tạo của HS. Song trong quá trình thực hiện cũng còn gặp phải sự lúng túng về phương pháp.

2.2.2. Vai trò của nghiên cứu bài học đối với cộng đồng học tập ở Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trực:

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong trường THCS nhằm phát triển năng lực HS;

- Xây dựng cộng đồng học tập trong GV: Giúp GV chủ động hợp tác chuyên môn trong cùng tổ bộ môn; chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới phương pháp DH giữa các bộ môn; GV các môn học biết cách hợp tác với nhau để xây dựng các chuyên đề DH tích hợp;

- Xây dựng cộng đồng học tập trong HS: Từ việc tích cực hóa trong sinh hoạt chuyên môn, GV hướng dẫn HS xây dựng các cộng đồng học tập nhằm phát huy tính tích cực chủ động trong HS.

2.2.3. Các bước phát triển chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học

Bước 1: Thiết kế tiến trình DH

Tiến trình DH chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của HS để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật DH được sử dụng.

Bước 2: Tổ chức DH và dự giờ

Trên cơ sở các kế hoạch DH đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công GV thực hiện bài học để dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của HS* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng giáo dục hòa nhập*: khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị “bỏ quên”.

- *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật DH tích cực được sử dụng; khuyến khích HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.

- *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hóa các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi tổ chuyên môn cần có kế hoạch thường xuyên sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng NCBH. Cộng đồng học tập GV chia sẻ kinh nghiệm thiết kế tiến trình DH, tổ chức và dự giờ DH giúp cho GV cởi mở hơn trong chuyên môn, có trách nhiệm và tinh thần xây dựng.

Bước 3: Phân tích, rút kinh nghiệm bài học

Quá trình DH mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV.

Việc phân tích bài học có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể (theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp DH và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng) như sau:

Nội dung	Tiêu chí
1. Kế hoạch và tài liệu DH	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp DH được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .
	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị DH</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS.
	Mức độ hợp lí của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.

2. Tổ chức hoạt động học cho HS	Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của phương pháp và hình thức <i>chuyển giao nhiệm vụ</i> học tập.
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của HS.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS.
3. Hoạt động của HS	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của HS trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

2.2.4. Hiệu quả của nghiên cứu bài học áp dụng đối với cộng đồng học tập ở Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trực

Khi tiến hành nghiên cứu việc xây dựng cộng đồng học tập ở Trường THCS Nguyễn Trực dựa trên khung lý thuyết của NCBH, chúng tôi nhận thấy, có những thay đổi tích cực không những đối với việc DH của GV mà còn trong cả việc học tập của HS.

Đối với GV, trước khi bài học được tiến hành trên lớp, chúng tôi cùng với các GV trong tổ chuyên môn đã cùng nhau thảo luận về bài học. Thảo luận tập trung vào những câu hỏi như: Bài học nào sẽ được nghiên cứu? Đối tượng là ai? Mục tiêu đề ra cho bài học là gì? Phương pháp nào sẽ được sử dụng khi DH? Các hình thức tổ chức DH nào được vận dụng? Kế hoạch kiểm tra - đánh giá? Sau khi cùng nhau trao đổi nhóm GV sẽ lên kế hoạch bài dạy. Khi bài dạy được tiến hành trên lớp, các GV sẽ cùng nhau dự giờ và trao đổi cải tiến bài học sau dự giờ. Quá trình lên kế hoạch bài dạy, dự giờ và trao đổi cải tiến bài học chính là quá trình các GV cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm sư phạm cũng như năng lực chuyên môn với nhau, hình thành cộng đồng học tập giữa các GV.

Đối với HS, khung lý thuyết về NCBH được vận dụng để hình thành và phát triển cộng đồng học tập dưới hình thức phát triển các nhóm cộng tác. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng, không có phương pháp nào tối ưu trong thiết lập cộng đồng học tập bằng việc thiết lập các nhóm học tập cộng tác. Các hình thức tổ chức DH theo nhóm nhỏ được các GV ở Trường THCS Nguyễn Trực ưu tiên thực hiện. Khi học tập theo nhóm nhỏ từ 4-5 HS, các em đều phải tham gia vào các nhiệm vụ học tập như có thể cùng nhau thảo luận về một chủ đề mà GV đưa ra, cùng nhau làm bài tập, làm thí nghiệm hay cùng tham gia một dự án học tập. Quan sát việc học tập của HS khi dự giờ, chúng tôi thấy rằng, việc học tập

cộng tác theo nhóm là phương tiện để nâng cao năng lực cho những HS có thành tích học tập thấp hơn và cũng là một đòn bẩy để các em có thành tích cao bật xa hơn nữa trong học tập. Các em có nhiều cơ hội để thể hiện năng lực hơn trong học tập.

Tham chiếu kết quả nghiên cứu trên, Trường Đại học Giáo dục cam kết thực hiện tập huấn cho giáo viên phổ thông mỗi tháng 1 lần. Trong năm học 2017-2018, tổ chức tập huấn và sinh hoạt chuyên môn đối với các môn *Văn học, Lịch sử, Hóa học và Sinh học*.

- Các thành viên tham gia dự án của Trường Đại học Giáo dục và Trường THCS Nguyễn Trực trao đổi về bài học nghiên cứu, thống nhất cách triển khai bài học, các phương pháp DH được vận dụng, có sử dụng phương tiện trực quan và các hình thức tổ chức DH.

- Trao đổi sau dự giờ: Các nội dung trao đổi chủ yếu hướng vào việc các phương pháp DH và các hình thức tổ chức bài học có phát triển được cộng đồng học tập cho HS hay không; HS có được thoải mái diễn đạt ý tưởng hay không; Các em có thực sự hứng thú với giờ học và có tinh thần chia sẻ trong học tập hay không.

- GV trao đổi về những thay đổi tích cực của HS sau 2 tháng vận dụng khung lý thuyết về NCBH để phát triển cộng đồng học tập trong lớp học nói riêng và tại Trường THCS Nguyễn Trực nói chung.

- Đưa ra những thuận lợi và khó khăn khi xây dựng cộng đồng học tập theo khung lý thuyết của NCBH.

- Các giảng viên và GV lên kế hoạch cho bài học nghiên cứu tiếp theo.

3. Kết luận

GV đóng vai trò quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục. Do đó, tập trung phát triển đội ngũ giảng dạy cả chất lượng lẫn số lượng cần phải đầy đủ và với các chính

sách cụ thể. NCBH theo hướng cộng đồng học tập là một xu thế mới trong phát triển chuyên môn tại các trường THCS.

Nghiên cứu trường hợp này được thực hiện ở khu vực nông thôn. Các hoạt động phát triển chuyên môn cho GV bao gồm sự tham gia của giảng viên sư phạm từ Trường Đại học Giáo dục trong việc lập kế hoạch DH, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn và kế hoạch đổi mới DH. Nghiên cứu này cho thấy sự cần thiết tăng cơ hội phát triển chuyên môn theo hướng NCBH. Áp dụng kết quả nghiên cứu này tới các trường THCS có điều kiện khó khăn sẽ làm tăng cơ hội để phát triển chuyên môn.

Việt Nam đang tiến hành đổi mới căn bản toàn diện giáo dục thông qua đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Phát triển chuyên môn nhằm đáp ứng đổi mới giáo dục là yêu cầu bắt buộc. Sự tham gia của các trường sư phạm trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cần được thực hiện thường xuyên hơn.

NCBH là một trong những hướng phát triển chuyên môn được áp dụng ở một số địa phương. Việc mở rộng mô hình sinh hoạt chuyên môn này đến các vùng khó khăn giúp cho GV có cơ hội hòa nhập với cộng đồng học thuật.

Nghiên cứu bước đầu tìm hiểu việc thực hiện chính sách phát triển chuyên môn ở các trường thuộc vùng khó khăn. Kết quả cho thấy, Trường THCS Nguyễn Trục đã thực hiện công tác chuyên môn như chỉ đạo về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức hoạt động chuyên môn.

NCBH là một trong những hướng phát triển chuyên môn đã và đang áp dụng cho một số địa phương. Việc mở rộng hoạt động chuyên môn này đến các khu vực khó khăn sẽ tạo cho GV cơ hội để hội nhập với cộng đồng học thuật. Các GV phổ thông đã đồng ý đưa ra các bước cho sự phát triển chuyên môn từ việc thiết kế bài học/ tư duy để giảng dạy trong lớp và bước cuối cùng của việc phân tích và rút ra bài học kinh nghiệm.

Nghiên cứu về việc thực hiện chính sách phát triển nghề nghiệp ở các trường học có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả cho thấy, Trường THCS Nguyễn Trục đã thực hiện các công việc chuyên nghiệp như chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của trường và các hoạt động chuyên môn. Các GV được biết rõ về vai trò của việc học tập đối với cộng đồng học tập trong Trường THCS Nguyễn Trục không chỉ hữu ích cho GV mà cả cho HS trong học tập theo nhóm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thompson, Sue C. - Larry Gregg - John M. Niska. (2004). *Professional Learning Communities, Leadership, and Student Learning*. RMLE Online, Vol. 28(1): pp. 1-15.
- [2] Dufour, R. - Eaker, R. (1998). *Professional learning communities at work: Best practices for enhancing student achievement*. Alexandria, VA: Association for Supervision and Curriculum Development.
- [3] Walker, D. (2002). In L. Lambert, et al. *The constructivist leader, second edition*. Teachers College, Columbia University: Teachers College Press.
- [4] Fantilli, R. D. - McDougall, D. E. (2009). *A study of novice teachers: Challenges and supports in the first years*. Teaching and Teacher Education, Vol. 25(6), pp. 814-825.
- [5] Roehrig, A. D. - Pressley, M., - Talotta, D. A. (2002). *Stories of beginning teachers: First-year challenges and beyond*. Notre Dame, Indiana: University of Notre Dame Press.
- [6] Murnane, R. J. - Levy, F. (1996) *Teaching the new basic skills*. New York: Free Press.
- [7] Bộ GD-ĐT (2014). Công văn số 5555/BGD T-GDTrH *Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/ trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng*.
- [8] Eisuke Saito và cộng sự (2015). *Nghiên cứu bài học vì cộng đồng học tập*. NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018 ngành GD-ĐT Thanh Oai, Hà Nội.
- [10] Hà Thị Lan Hương (2016). *Phát triển năng lực đánh giá người học cho sinh viên sư phạm theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 8, tr 128-137.
- [11] Lê Mỹ Dung (2017). *Thực trạng kỹ năng tự quản lý cảm xúc của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1A, tr 31-38.
- [12] Nguyễn Thị Kim Dung - Đỗ Thị Thuận (2017). *Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1A, tr 200-206.
- [13] Nguyễn Thị Kim Dung và cộng sự (2015). *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.